|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**aa | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**aa |
| Số: 621/BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP**

**và tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2023**

*(Tài liệu phục vụ Phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 01 năm 2023)*

aa

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Phiên họp thường kỳ tháng 01 của Chính phủ, trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2023 như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, là năm bản lề thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025. Nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra trong năm 2023 rất nặng nề và có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề để thực hiện thắng lợi Chiến lược 10 năm và Kế hoạch 5 năm, đòi hỏi các bộ, ngành và địa phương cần hết sức nỗ lực, nghiêm túc, quyết liệt, đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 06 tháng 01 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 với chủ đề điều hành ***“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”.***

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 01/NQ-CP, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc, tập trung giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư; đề ra chương trình hành động triển khai thực hiện kế hoạch. Tính đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023, đa số các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã tổ chức hội nghị triển khai công tác năm 2023, nhấn mạnh việc quyết tâm, phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, trong đó có 18 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ[[1]](#footnote-1) và 48/63 địa phương[[2]](#footnote-2) đã ban hành chương trình, kế hoạch hành động, văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

*(Chi tiết tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ xin xem Phụ lục kèm theo)*

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 1 NĂM 2023**

Trong tháng, tình hình thế giới tiếp tục biến động rất phức tạp, khó lường, nhất là diễn biến và tác động của xung đột quân sự Nga - Ucraina; chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt; việc khôi phục các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất trên toàn cầu còn nhiều khó khăn; lạm phát tuy đã chậm lại nhưng tiêu dùng và các hoạt động kinh tế đang suy giảm trên diện rộng; thị trường bất động sản tại nhiều quốc gia suy giảm mạnh, ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất, làm gia tăng rủi ro lên thị trường tài chính, tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp... Nhiều tổ chức quốc tế như WB, IMF đánh giá kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục khó khăn. Cạnh tranh chiến lược, bất ổn địa chính trị, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, khả năng thiếu nước, hạn mặn, thiên tai… ngày càng khó lường.

Trong nước, cùng với việc tập trung triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP và phân giao kế hoạch đầu tư công năm 2023, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã quan tâm, chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện cho nhân dân đón Tết Nguyên đán Quý Mão và Lễ hội Xuân năm 2023 vui tươi, lành mạnh, đầm ấm, và an toàn; nguồn cung, giá cả hàng hóa ổn định trước, trong và sau Tết; công tác an sinh xã hội được bảo đảm, chu đáo với tinh thần***“không để ai không có Tết”***; phòng, chống dịch bệnh, khám, chữa bệnh; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết được đảm bảo. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật mừng Đảng, mừng xuân được tổ chức đã phục vụ và đáp ứng tốt nhu cầu tinh thần của nhân dân. Quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được bảo đảm.

Tình hình kinh tế vĩ mô tháng 01 năm 2023 cơ bản ổn định, các hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, chuẩn bị hàng hóa cho dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, trong đó khu vực dịch vụ diễn ra khá sôi động.Sản xuất nông, lâm, thủy sản đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng trong nước. Du lịch phục hồi nhanh, khách quốc tế tháng 01 đạt trên 870 nghìn lượt người, gấp 44,2 lần so với cùng kỳ năm trước. Thị trường tiền tệ bước đầu có mức tăng trưởng tích cực; bảo đảm thanh khoản của hệ thống ngân hàng, đáp ứng nhu cầu thanh toán, rút tiền mặt của người dân, doanh nghiệp trước và trong dịp Tết Nguyên đán. Cán cân thương mại tháng 01 ước xuất siêu 3,6 tỷ USD. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân tiếp tục được bảo đảm, nhất là trong dịp chuẩn bị Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức đang ngày càng gia tăng cả từ bên ngoài và cả từ bên trong nền kinh tế; sức ép điều hành tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô tăng cao. Yêu cầu cần có các giải pháp chủ động điều hành mới, chính xác, kịp thời và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng, triển khai triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn, phù hợp với diễn biến tình hình để không làm tăng thêm và hóa giải các khó khăn, thách thức, tận dụng thời gian, cơ hội phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2023 cụ thể như sau:

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực tháng 01 năm 2023**

**(1) Về tình hình kinh tế vĩ mô**

*a) Về chỉ số giá tiêu dùng*

Tháng 01/2023 là tháng có Tết Nguyên đán Quý Mão nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, giá hàng hóa và dịch vụ tăng theo quy luật tiêu dùng vào dịp Tết; giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới và điều chỉnh theo mức thuế bảo vệ môi trường từ 01/01/2023 là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2023 tăng 0,52% so với tháng trước.

Trong mức tăng 0,52% của CPI tháng 01/2023 so với tháng trước có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 01 nhóm hàng giữ giá ổn định.

Trong nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, *nhóm giao thông* tăng cao nhất với mức tăng 1,39% chủ yếu do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới và điều chỉnh theo mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn được quy định tại Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15[[3]](#footnote-3). *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 1,12% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng trong dịp Tết khiến giá rượu bia tăng 1,66%; thuốc hút tăng 0,71%; đồ uống không cồn tăng 0,49%. *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,82%. *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,7%. *Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép* tăng 0,62% do nhu cầu mua sắm quần áo dịp Tết Nguyên đán Quý Mão tăng. *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,42%[[4]](#footnote-4). *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,36%[[5]](#footnote-5). *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,07%.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giảm gồm: *Nhóm giáo dục* giảm 0,15%, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,2%. Nguyên nhân chủ yếu do ngày 20/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP, trong đó yêu cầu các địa phương giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 như năm học 2021-2022 để tiếp tục hỗ trợ cho người dân nên một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ[[6]](#footnote-6). *Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng* giảm 0,12% do giá gas giảm 4,69% do từ ngày 01/01/2023, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 14.000-23.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 52,5 USD/tấn (từ mức 650 USD/tấn xuống mức 597,5 USD/tấn); giá dầu hỏa giảm 2,12% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá vào ngày 01/01/2023, 03/01/2023 và 11/01/2023; giá nước sinh hoạt giảm 0,35% do thời tiết trở lạnh trong đó các tỉnh miền Bắc trời rét đậm làm nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt giảm. Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt tăng 0,08% do nhu cầu dùng điện để sưởi ấm tăng khi thời tiết chuyển lạnh; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,23%, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,9% do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng nhà ở tăng vào dịp Tết Nguyên đán. *Nhóm bưu chính viễn thông* giữ giá ổn định.

Lạm phát cơ bản[[7]](#footnote-7) tháng 01/2023 tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 5,21% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,89%) chủ yếu do giá gas và giá dịch vụ giáo dục giảm là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng CPI trong tháng Một năm nay thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

*b) Về thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán*

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, thận trọng, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Trong đó:

- Về hoạt động nghiệp vụ thị trường mở: Trong gần 01 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ và tình hình vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng để ổn định thị trường tiền tệ, đáp ứng nhu cầu thanh toán của nền kinh tế dịp Tết Nguyên đán. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì các phiên chào mua giấy tờ có giá hàng ngày nhằm hỗ trợ nhu cầu vốn cho các tổ chức tín dụng, lãi suất chào mua ở mức 6,0%/năm. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước nhằm phối hợp đồng bộ trong việc điều hành các công cụ chính sách tiền tệ.

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc chung đối với các tổ chức tín dụng tiếp tục được giữ ổn định phù hợp với diễn biến lạm phát, tình hình nguồn vốn của hệ thống tổ chức tín dụng và nhu cầu vốn của nền kinh tế. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện tái cấp vốn để hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng.

- Điều hành lãi suất: Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi sát diễn biến tiền tệ trong nước, quốc tế, dự báo lạm phát và lãi suất thị trường để điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ; khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Điều hành tín dụng: Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2023 khoảng 6,5% và lạm phát khoảng 4,5% được Quốc hội, Chính phủ đặt ra, Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 14-15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Theo đó, năm 2023, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng trong cả năm với tốc độ hợp lý, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT giao thông; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Đến ngày 13/01/2023, huy động vốn tăng 0,34% (huy động VND tăng 0,38%, ngoại tệ giảm 0,06%), tín dụng đối với nền kinh tế tăng 0,37% (VND tăng 0,40%, ngoại tệ giảm 0,44%) so với cuối năm 2022.

- Điều hành tỷ giá: Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, thực hiện can thiệp thị trường linh hoạt để giúp hấp thu các cú sốc bên ngoài trong khi vẫn giữ ổn định thị trường ngoại tệ. Tỷ giá USD/VND diễn biến tương đối ổn định, đến giữa tháng 1/2023 giảm 0,6% so với cuối năm 2022 và chỉ tăng 2,9% so với cuối năm 2021. Ngày 17/01/2023, tỷ giá trung tâm ở mức 23.603 VND/USD, giảm 0,4% so với cuối năm 2022; tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng khoảng 23.439 VND/USD, giảm 0,6% so với cuối năm 2022 và tăng 2,9% so với cuối năm 2021; tỷ giá niêm yết mua/bán của NHTMCP Ngoại thương ở mức 23.280/23.600 VND/USD, giảm 0,6% so với cuối năm 2022.

- Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu:Công tác giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng tiếp tục được tăng cường. Trong kỳ, Ngân hàng Nhà nước đã có các văn bản chỉ đạo và cảnh báo đối với các NHTM về một số rủi ro trong hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng liên quan đến lĩnh vực bất động sản và các tổ chức tín dụng hoạt động đại lý bảo hiểm và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Về ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn (SCB), tiếp tục theo dõi sát hoạt động của SCB để kịp thời hỗ trợ thanh khoản cho SCB theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng họp giao ban hàng tuần với Ban kiểm soát đặc biệt và SCB để nắm tình hình và tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Đảm bảo hoạt động thanh toán an toàn, thông suốt:Xây dựng phương án cung tiền mặt dịp cuối năm, giáp Tết 2023; chỉ đạo các đơn vị trong toàn Ngành chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình, tập trung chỉ đạo tổ chức tốt công tác điều hòa, cung ứng tiền mặt, đáp ứng đủ nhu cầu tiền mặt cho nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá; theo dõi, nắm tình hình giao dịch, vận chuyển, bảo quản tiền mặt và phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, xử lý khi có những tình huống, vụ việc xảy ra liên quan đến công tác an ninh, an toàn kho quỹ trong Ngành ngân hàng.

- *Diễn biến thị trường vàng:*Ngày 17/01/2023, giá vàng miếng SJC bình quân được giao dịch ở mức 66,58/67,43 triệu đồng/lượng, trung bình giữa giá mua vào và bán ra tăng 450 nghìn đồng/lượng (tương đương 0,68%) so với đầu tháng. Hiện, giá mua vào vàng miếng SJC bình quân trong nước cao hơn giá vàng quốc tế quy đổi (chưa tính phí) ở mức 12,4 triệu đồng/lượng.

*- Về thị trường chứng khoán Việt Nam,* kết thúc phiên giao dịch ngày 27/01/2023, VN-Index tăng 9,02 điểm (+0,81%) lên mức 1.117,10 điểm; quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 5.577 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với cuối năm 2022. ​

Hiện có 757 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán, 856 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và 6,9 triệu tài khoản đầu tư chứng khoán; giá trị giao dịch bình quân tháng 01 là 11,36 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 43,7% so với bình quân năm 2022.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty đại chúng và tổ chức kinh doanh chứng khoán tiếp tục được tăng cường nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường. Trong tháng 01, Bộ Tài chính đã ban hành 39 quyết định xử phạt, với tổng số tiền xử phạt gần 04 tỷ đồng.

​*c) Về thu, chi ngân sách nhà nước*

Tổng thu ngân sách nhà nước tháng 01/2023 ước đạt 183,7 nghìn tỷ đồng, bằng 11,3% dự toán, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nội địa đạt 12% dự toán, tăng 3,1%; thu từ dầu thô đạt 12,6% dự toán, tăng 67,7%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 7,5% dự toán, bằng 69,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước tháng 01 ước đạt 114,9 nghìn tỷ đồng, bằng 5,5% dự toán, đáp ứng các nhu cầu chi thường xuyên để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội (chiếm 74,9% tổng số chi NSNN), tập trung đảm bảo kinh phí tiền lương, lương hưu, trợ cấp xã hội cho các đối tượng chính sách; đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ lãi đến hạn. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xuất cấp 17 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia để cứu trợ, cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán, giáp hạt đầu năm 2023.

*d) Về đầu tư phát triển*

(1) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước trong tháng ước đạt 27 nghìn tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch năm và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 4,4% và tăng 12,4%).

Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN đến ngày 31/01/2023 đạt 92,97% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 đạt 95,11%), tuy nhiên số tuyệt đối giải ngân 13 tháng năm 2022 cao hơn cùng kỳ năm 2021 khoảng 100 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 23%. Có 08 bộ, cơ quan trung ương và 29 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt từ 100% trở lên kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; 07 bộ, cơ quan trung ương[[8]](#footnote-8) có tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Ước thanh toán từ đầu năm đến 31/01/2023 là 12.819,57 tỷ đồng, đạt 1,81% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2022 đạt 2,50% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó: vốn trong nước là 12.819,57 tỷ đồng (đạt 1,89% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), vốn nước ngoài là 0 tỷ đồng.

Trong tháng 01/2023, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đang tập trung triển khai phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án và đang hoàn thiện thủ tục đầu tư để giải ngân kế hoạch vốn nên tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

*(3) Vốn đầu tư nước ngoài:* Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam[[9]](#footnote-9)[[10]](#footnote-10) tính đến ngày 20/01/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 1,69 tỷ USD, giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2023, ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký cấp mới có 153 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 1,2 tỷ USD, tăng 48,5% về số dự án và gấp 3,1 lần về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 89 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 306,3 triệu USD, giảm 75,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 204 lượt với tổng giá trị góp vốn 174,1 triệu USD, giảm 60,7% so cùng kỳ năm trước.

 Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 17 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 1,34 tỷ USD, chiếm 79,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Ngành vận tải kho bãi đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư hơn 82,9 triệu USD, chiếm hơn 4,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các ngành xây dựng; hoạt động kinh doanh bất động sản với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt là hơn 63,7 triệu USD và gần 60,9 triệu USD. Còn lại là các ngành khác.

Xét về số lượng dự án mới, công nghiệp chế biến chế tạo cũng là ngành dẫn đầu về số dự án mới *(chiếm 35,3%)* và điều chỉnh vốn *(chiếm 61,8%).*

Đã có 39 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong tháng 01 năm 2023. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 813,9 triệu USD, chiếm 48,3% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 22,3% so với cùng kỳ 2022; Trung Quốc đứng thứ hai với gần 265,6 triệu USD, chiếm 15,8% tổng vốn đầu tư, giảm 61,1% so với cùng kỳ. Hàn Quốc đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 148,8 triệu USD, chiếm gần 8,8% tổng vốn đầu tư, giảm 69,1% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Đài Loan, Israel, Hồng Kông,…

Xét về số dự án, Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số dự án đầu tư mới (chiếm gần 19%); Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (chiếm 20,2%) và góp vốn mua cổ phần (chiếm 28,9%).

Tính lũy kế đến ngày 20/01/2023**,** cả nước có 36.458 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký hơn 441,31 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt gần 275,35 tỷ USD, bằng gần 62,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Trong tháng 01 năm 2023, *tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài* cấp mới và điều chỉnh đạt hơn 1,89 triệu USD *(bằng 5,1% so với cùng kỳ)*. Trong đó, có 3 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt hơn 1,75 triệu USD *(bằng gần 4% so với cùng kỳ)*; có 01 dự án điều chỉnh tăng vốn thêm hơn 140 nghìn USD *(cùng kỳ năm trước là -7,2 triệu USD).* Có 3 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong tháng 01 năm 2023 là Thái Lan (chiếm 82,8% vốn đầu tư); Hàn Quốc (chiếm 9,8%) và Lào (chiếm 7,4%).

*Lũy kế đến 20/01/2023 Việt Nam đã có 1.614 dự án đầu tư ra nước ngoài* còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam hơn 21,78 tỷ USD. Trong đó, có 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài gần 11,67 tỷ USD, chiếm 53,6% tổng vốn đầu tư cả nước

**(2) Về tình hình sản xuất, kinh doanh**

*a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên cả nước. Chăn nuôi phát triển ổn định. Sản xuất lâm nghiệp tập trung chuẩn bị mặt bằng, ươm và chăm sóc cây giống cho công tác trồng rừng, tổ chức phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và tăng cường công tác bảo vệ rừng, chống cháy rừng. Nuôi trồng thủy sản đẩy mạnh thu hoạch để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán.

*- Về trồng trọt:* Tính đến ngày 15/01/2023, cả nước gieo cấy được 1.882,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,9% cùng kỳ năm trước. Các địa phương phía Bắc đạt 105,1 nghìn ha, bằng 79,6% cùng kỳ năm trước do thời tiết lạnh kéo dài nên vụ mùa năm 2022 kết thúc muộn và năm 2023 nhuận tháng 2 làm cho khung thời vụ gieo cấy lúa đông xuân muộn hơn so với các năm khác. Các địa phương phía Nam đạt 1.777 nghìn ha, bằng 101,4% cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.434,9 nghìn ha, bằng 99,8%.

Về sản xuất rau màu: Diện tích một số cây rau màu giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngô, khoai lang, đậu tương, lạc giảm chủ yếu do hiệu quả kinh tế không cao và gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm; cây rau đậu tăng khá để phục vụ tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán. Tính đến ngày 15/01/2023, diện tích ngô đạt 138,8 nghìn ha, giảm 3,1% so với cùng kỳ; diện tích lạc đạt 28,3 nghìn ha, giảm 0,8% so với cùng kỳ; diện tích đậu tương đạt 3,1 nghìn ha, giảm 6,8% so với cùng kỳ; diện tích khoai lang đạt 29,3 nghìn ha, giảm 2,1% so với cùng kỳ; diện tích rau, đậu đạt 313,4 nghìn ha, tăng 7,1% so với cùng kỳ.

*- Về chăn nuôi:* Chăn nuôi trong tháng phát triển ổn định. Các cơ sở chăn nuôi đảm bảo nguồn cung cho dịp Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, dự báo trong thời gian tới có nhiều đợt rét đậm, rét hại đặc biệt tại các địa phương phía Bắc, do đó người chăn nuôi cần chủ động chuẩn bị chống rét cho đàn vật nuôi. Tính đến cuối tháng 01/2023, số lượng lợn tăng 10,4% so với cùng kỳ; số lượng gia cầm tăng 3,4% so với cùng kỳ; số lượng trâu giảm 1,7% so với cùng kỳ; số lượng bò tăng 3% so với cùng kỳ.

Tính đến ngày 25/01/2023, cả nước không còn dịch lợn tai xanh, dịch lở mồm long móng và dịch viêm da nổi cục; dịch cúm gia cầm chỉ còn ở Quảng Ninh; dịch tả lợn châu Phi còn ở 10 địa phương chưa qua 21 ngày.

*- Về lâm nghiệp:* Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 01/2023 ước đạt 8,1 nghìn ha, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 4,5 triệu cây, tăng 4,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 951,6 nghìn m3, tăng 1,6%. Một số địa phương có sản lượng gỗ khai thác tăng cao như Nghệ An đạt 44,2 nghìn m3, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước; Quảng Trị đạt 77 m3, tăng 6,2%.

Trong tháng 01/2023, diện tích rừng bị thiệt hại[[11]](#footnote-11) là 29,9 ha, giảm 44,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị cháy là 2,5 ha, giảm 64,4%; diện tích rừng bị chặt, phá là 27,4 ha, giảm 41,2 %.

*- Về thủy sản:* Nuôi trồng thủy sản trong tháng tiếp tục tăng về diện tích thả nuôi và sản lượng thu hoạch các sản phẩm thủy sản trọng điểm do nhu cầu tăng của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Khai thác thủy sản biển bị tác động, giảm chuyến khai thác do giá dầu tăng cao, làm tăng chi phí khai thác.

Sản lượng thủy sản tháng 01/2023 ước đạt 592,1 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 434,3 nghìn tấn, tăng 0,3%; tôm đạt 58,7 nghìn tấn, tăng 0,3%; thủy sản khác đạt 99,1 nghìn tấn, giảm 0,2%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 333,7 nghìn tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác tháng 01/2023 ước đạt 258,4 nghìn tấn, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước.

*b) Sản xuất công nghiệp*

Tết Nguyên đán Quý Mão diễn ra trong tháng Một năm 2023 nên số ngày làm việc ít hơn 8-10 ngày so với tháng trước và cùng kỳ năm trước[[12]](#footnote-12), nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất trong tháng trước để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết, số lượng đơn đặt hàng và quy mô đơn hàng giảm đã ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp tháng Một năm 2023. Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế thế giới năm 2023 tăng trưởng thấp và có thể suy thoái. Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 01/2023 giảm 14,6% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước[[13]](#footnote-13).

Trong đó, chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo tháng 01/2023 giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 7 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành khai khoáng giảm 4,9%, làm giảm 0,8 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 3,4%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

*Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực* *tháng 01/2023 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước*: Khí hóa lỏng LPG giảm 33,3%; xe máy giảm 32,1%; ô tô giảm 31,7%; thép thanh, thép góc giảm 26,2%; đường kính giảm 25,7%; thép cán giảm 25,6%; ti vi giảm 24%; quần áo mặc thường giảm 23,4%; sơn hóa học giảm 14,6%; vải dệt từ sợi tự nhiên giảm 13,6%; xi măng giảm 13,3%; thủy hải sản chế biến và sữa tươi cùng giảm 9,4%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ năm trước: Bia tăng 15,5%; sữa bột tăng 10,8%; nước máy thương phẩm tăng 5,9%; sắt, thép thô tăng 4,3%; vải dệt từ sợi nhân tạo tăng 3,7%; xăng dầu tăng 3,1%.

Tình hình cung ứng điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ đời sống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất trong 07 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 được đảm bảo an toàn, ổn định. Tuy có xảy ra một số sự cố nhỏ liên quan đến tổ máy phát điện và lưới điện trung thế nhưng đã được khắc phục nhanh chóng, khôi phục cung cấp điện, đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong dịp Tết.

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp* *tại thời điểm 01/01/2023* giảm 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,2% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không đổi và tăng 0,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,5% và tăng 0,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,1% và giảm 0,1%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 0,8% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,1% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 0,9% và tăng 0,2%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí không đổi và tăng 0,2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,4% và tăng 2,6%.

*c) Khu vực dịch vụ*

Tháng Một trùng với Tết Nguyên đán, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân tăng cao nên hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra khá sôi động và có mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết đã được các địa phương và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh triển khai tích cực từ sớm, nhất là tại các thành phố lớn, tập trung đông dân cư như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ... Hàng hóa chuẩn bị Tết tập trung chủ yếu vào một số nhóm hàng thiết yếu; nguồn cung các mặt hàng dồi dào, giá không có biến động lớn; không để xảy ra thiếu hàng sốt giá. Nhiều địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm kích cầu tiêu dùng của người dân. Các điểm bán hàng Tết thuộc chương trình bình ổn thị trường được triển khai tại nhiều địa phương, nhất là tại các khu vực đông dân cư, tập trung nhiều lao động, các khu công nghiệp.

Tại các siêu thị, trung tâm thương mại, nguồn hàng được chuẩn bị tăng lên 20% - 30% so với ngày thường, trong đó hàng Việt Nam chiếm tỷ lệ khá cao, hình thức, mẫu mã đa dạng, phong phú, được nhiều người lựa chọn. Nhìn chung, sức mua tổng thể của cả nước dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 tăng từ 8% -10% so với tháng thường và tăng tương đương Tết năm 2022. Từ ngày mùng 2 Tết, một số hệ thống phân phối, cửa hàng tiện lợi, một số chợ truyền thống đã bắt đầu mở cửa khai xuân bán hàng trở lại.

*- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* trong tháng ước đạt 544,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 15,8% (cùng kỳ năm 2022 giảm 4%).

Xét theo ngành hoạt động, *doanh thu bán lẻ hàng hóa* tháng 01/2023 ước đạt 435,4 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước; *doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* ước đạt 56 nghìn tỷ đồng, tăng 37,3%; *doanh thu du lịch lữ hành* ước đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 113,4%.

Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong những ngày Tết không có diễn biến phức tạp. Các lực lượng chức năng thực hiện kế hoạch công tác, tăng cường phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả, kiểm tra, kiểm soát thị trường theo đúng kế hoạch của Ban Chỉ đạo 389 đã đề ra. Từ ngày 15/11/2022 - 26/01/2023, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã kiểm tra 11.317 vụ; phát hiện, xử lý 9.830 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước 118,1 tỷ đồng. Qua công tác giám sát, phát hiện một số cửa hàng kinh doanh xăng dầu tạm dừng bán hàng do chưa kịp nhập hàng, lực lượng quản lý thị trường đã yêu cầu các cửa hàng khẩn trương nhập xăng, dầu để hoạt động kinh doanh bình thường theo đúng quy định pháp luật.

- *Khách quốc tế đến Việt Nam* tháng Một[[14]](#footnote-14) đạt 871,2 nghìn lượt người, tăng 23,2% so với tháng trước và gấp 44,2 lần cùng kỳ năm trước do Việt Nam đã mở cửa du lịch, các đường bay quốc tế được khôi phục trở lại. Tuy nhiên, khách quốc tế đến Việt Nam tháng Một năm nay vẫn giảm 42% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Trong tổng số gần 871,2 nghìn lượt khách quốc tế đến Việt Nam tháng 01/2023, khách đến bằng đường hàng không đạt 800,1 nghìn lượt người, chiếm 91,9% lượng khách quốc tế đến Việt Nam; bằng đường bộ đạt 65,5 nghìn lượt người, chiếm 7,5%; bằng đường biển đạt 5,6 nghìn lượt người, chiếm 0,6%.

- *Vận tải hành khách* trong tháng sôi động hơn so với tháng trước khi nhu cầu đi lại và du lịch của người dân tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, vận tải hàng hóa có mức tăng thấp hơn do vận chuyển hàng hóa phục vụ Tết đã diễn ra từ tháng trước và số ngày làm việc của các hãng vận chuyển ít hơn khi kỳ nghỉ Tết rơi vào tháng Một. So với cùng kỳ năm trước, vận tải hành khách tăng 34,7% về vận chuyển và tăng 71,3% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 16,2% về vận chuyển và tăng 5,3% về luân chuyển.

Trong dịp Tết, năng lực vận chuyển và chất lượng dịch vụ vận tải được nâng cao, bảo đảm an toàn và giao thông thông suốt, ngay cả trong các ngày cao điểm phục vụ tết; các phản ánh về tình trạng nhồi nhét hành khách, chở quá tải, thu giá vé cao giảm nhiều so với các năm trước đây. Tình hình an ninh trật tự tại các bến xe được đảm bảo. Hành khách đi lại qua đường bộ, đường sắt, đường hàng không trong 07 ngày Tết Nguyên đán Quý Mão tăng rất cao so với cùng kỳ năm 2022: lượng khách trên các tuyến cố định vận tải đường bộ tăng từ 30% - 200%; tổng số khách vận chuyển bằng đường sắt tăng 196%; tổng sản lượng thông qua các cảng hàng không đạt xấp xỉ 13 nghìn lần hạ cất cánh, tăng 39%; hơn 1,9 triệu lượt hành khách, tăng 48% và hơn 7,6 nghìn tấn hàng hóa; sản lượng vận tải qua cảng hàng hải đạt 2.045 lượt phương tiện vào, 3.672 lượt phương tiện rời cảng với tổng số lượt hành khách là 177.755 lượt; sản lượng hàng hóa thông qua cảng, bến hơn 7,6 triệu tấn.

*d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

Tháng 01/2023 là tháng có Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán, số ngày làm việc ít hơn tháng trước và tháng 01/2022. Vì vậy, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa[[15]](#footnote-15) so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước đều giảm. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 46,56 tỷ USD, giảm 17,3%, so với tháng trước và giảm 25% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- *Về xuất khẩu:* Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 25,08 tỷ USD, giảm 13,6% so với tháng trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 6,44 tỷ USD, giảm 18%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 18,64 tỷ USD, giảm 12%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một giảm 21,3%, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước giảm 27,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 19%.

Trong tháng Một có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên, chiếm 66,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng 01/2023, hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 258 triệu USD, chiếm 1%; hàng công nghiệp chế biến ước đạt 22,32 tỷ USD, chiếm 89%; hàng nông sản, lâm sản ước đạt 1,9 tỷ USD, chiếm 7,6%; hàng thủy sản ước đạt 0,6 tỷ USD, chiếm 2,4%.

- *Về nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 21,48 tỷ USD, giảm 21,3% so với tháng trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 7,48 tỷ USD, giảm 26,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 14 tỷ USD, giảm 18,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một giảm 28,9%, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước giảm 25,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 30,4%.

Trong tháng 01/2023 có 3 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá từ 1 tỷ USD trở lên, chiếm tỷ trọng 37,2% tổng kim ngạch nhập khẩu**.**

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tháng 01/2023, hàng tư liệu sản xuất đạt 19,97 tỷ USD, chiếm 93%, trong đó hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 41,1%; hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 51,9%. Hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 1,51 tỷ USD, chiếm 7%.

*Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023,* Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 7,6 tỷ USD.Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 8,1 tỷ USD. Tháng 01/2023 xuất siêu sang EU ước đạt 1,8 tỷ USD, giảm 45% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang Nhật Bản 100 triệu USD giảm 65,3%; nhập siêu từ Trung Quốc 3,4 tỷ USD, giảm 52,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 2,5 tỷ USD, giảm 20,9%; nhập siêu từ ASEAN 1,3 tỷ USD, tăng 74,3%.

- Cân đối xuất, nhập khẩu: Tháng 01/2023 ước tính xuất siêu 3,6 tỷ USD. Trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,04 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 4,64 tỷ USD.

*đ)* *Về môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp*

Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng đầu tiên của năm 2023 là 25.910 doanh nghiệp, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù vậy, con số này vẫn cao hơn 1,3 lần so với bình quân doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 01 giai đoạn 2018-2022 (19.887 doanh nghiệp). Nếu so sánh cùng kỳ các năm thì số liệu này chỉ thấp hơn số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 01/2022.

*- Số doanh nghiệp thành lập mới* trong tháng 01/2023 là 10.843 doanh nghiệp, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2022 nhưng cao hơn số doanh nghiệp gia nhập thị trường của cùng kỳ các năm từ 2021 trở về trước và của tháng 12/2022 (10.769 doanh nghiệp). *Tổng số lao động đăng ký* của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 01/2023 là 68.583 người, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2022.

Doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0 - 10 tỷ đồng) với 9.809 doanh nghiệp (chiếm 90,5%, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2022), chủ yếu thuộc nhóm ngành Dịch vụ với 8.178 doanh nghiệp, chiếm 75,4% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhóm ngành Công nghiệp và Xây dựng có 2.540 doanh nghiệp gia nhập thị trường, chiếm 23,4% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 22,9% so với cùng kỳ năm 2022. Khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ghi nhận 125 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1,2% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 43,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cả 06 khu vực trên cả nước đều có số doanh nghiệp đăng ký thành lập giảm so với cùng kỳ năm 2022: Tây Nguyên (277 doanh nghiệp, giảm 35,1%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (1.295 doanh nghiệp, giảm 29,8%); Đồng bằng Sông Cửu Long (785 doanh nghiệp, giảm 29,2%); Trung du và miền núi phía Bắc (522 doanh nghiệp, giảm 21,3%); Đông Nam Bộ (4.593 doanh nghiệp, giảm 11,3%) và Đồng bằng Sông Hồng (3.371 doanh nghiệp, giảm 10,8%).

*- Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động* trong tháng 01/2023 là 15.067 doanh nghiệp, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2022, nhưng vẫn cao hơn 1,6 lần so với bình quân giai đoạn 2018-2022 (9.429 doanh nghiệp).

So sánh với cùng kỳ các năm có thể thấy, tình hình doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 01/2023 dù có những tín hiệu khả quan, tuy nhiên, vẫn có sự sụt giảm khi so sánh với cùng kỳ năm 2022. Ngoài các yếu tố liên quan đến khó khăn của doanh nghiệp đã diễn ra từ Quý IV/2022 đến nay thì một phần nguyên nhân của sự giảm sút này là do tháng 01/2022 là thời điểm nước ta chưa chịu ảnh hưởng từ lạm phát và bối cảnh chính trị biến động phức tạp, khó lường trên thế giới. Cùng với đó, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ bước đầu được triển khai, nền kinh tế được mở cửa trở lại, qua đó lan tỏa hiệu ứng tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như khơi dậy tinh thần khởi sự kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp. Điều này đã khiến số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 01/2022 tăng cao đột biến so với cùng kỳ các năm nói chung và tháng 01/2023 nói riêng.[[16]](#footnote-16)

*- Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế* trong tháng 01/2023 là 378.109 tỷ đồng (giảm 29,5% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 99.104 tỷ đồng (giảm 48,5% so với cùng kỳ năm 2022). Đây cũng là mức vốn đăng ký mới thấp nhất trong tháng 01 kể từ năm 2019 đến nay[[17]](#footnote-17). Có 4.541 lượt doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn trong tháng 01/2023 (giảm 18,3% so với cùng kỳ năm 2022), với số vốn đăng ký tăng thêm là 279.005 tỷ đồng (giảm 18,8% so với cùng kỳ năm 2022). Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 01/2023 đạt 9,1 tỷ đồng, giảm 38,2% so với cùng kỳ năm 2022. Điều này cho thấy các doanh nghiệp vẫn đang gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn để duy trì sản xuất kinh doanh; khó khăn trong duy trì các kênh huy động vốn trung và dài hạn để mở rộng đầu tư, phục hồi doanh nghiệp.

- *Tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường* trong tháng 01/2023 là 43.873 doanh nghiệp, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (chiếm 79,8%), cụ thể:

*Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh* trong tháng 01/2023 là 34.994 doanh nghiệp, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2022, là mức cao nhất trong một tháng từ trước đến nay.

*Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể* là 6.841 doanh nghiệp, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2022. Các doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng với 6.041 doanh nghiệp (chiếm 88,3%, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2022).

*Số doanh nghiệp giải thể* trong tháng 01/2023 là 2.038 doanh nghiệp, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, có 08/17 ngành kinh doanh chính có số lượng doanh nghiệp giải thể tăng so với cùng kỳ 2022. Phần lớn doanh nghiệp giải thể trong tháng 01/2023 có thời gian hoạt động ngắn (dưới 5 năm) với 1.522 doanh nghiệp (chiếm 74,7%) và tập trung chủ yếu ở quy mô vốn từ 0 - 10 tỷ đồng với 1.761 doanh nghiệp (chiếm 86,4%, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2022)

**(3) Về một số lĩnh vực xã hội**

*a) Về lao động, việc làm*

Tăng cường kiểm tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động. Chủ động xây dựng các giải pháp phòng ngừa, xử lý những tranh chấp lao động có thể xảy ra trong dịp tết Nguyên đán. Các cấp công đoàn, doanh nghiệp và toàn xã hội đồng hành cùng tổ chức hỗ trợ, chăm lo Tết cho đoàn viên, người lao động với nhiều hoạt động phong phú; hỗ trợ cho khoảng 01 triệu đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, mức hỗ trợ là 500.000 đồng/người (bằng tiền mặt) từ nguồn tài chính công đoàn. Gần 20.000 lượt đoàn viên, người lao động được nhận quà, thăm hỏi của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; tổng số tiền thăm, tặng quà đoàn viên, người lao động các cấp là gần 23,7 tỷ đồng.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chỉ đạo tổ chức 22 Chương trình “Chợ Tết Công đoàn năm 2023” tại 22 tỉnh, thành phố với khoảng 300.000 lượt người lao động tham gia, trị giá hàng hóa giảm giá bán ra trong các ngày diễn ra Chương trình ước khoảng 150 tỷ đồng; số tiền giảm giá cho đoàn viên, người lao động ước khoảng 31 tỷ đồng so với giá thị trường, số tiền gian hàng 0 đồng trị giá hơn 21 tỷ đồng. Theo báo cáo của 71/82 Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, đã có hơn 6.496.267 lượt đoàn viên, người lao động được thụ hưởng các hoạt động chăm lo của tổ chức công đoàn với tổng nguồn kinh phí là trên 4.581 tỷ đồng. Tổng số tiền chăm lo cho đoàn viên, người lao động, các cấp công đoàn tạm tính chi từ nguồn tài chính công đoàn khoảng 1.954 tỷ đồng; nguồn kêu gọi xã hội hóa ủng hộ nguồn kinh phí chăm lo cho đoàn viên, người lao động trên 2.627 tỷ đồng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ Trung ương đến địa phương đã trích từ Quỹ “Vì người nghèo” các cấp và chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận vận động các đơn vị, doanh nghiệp, nhà hảo tâm trực tiếp đi thăm, tặng quà tết cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, công nhân nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn với 5,37 triệu suất quà trị giá khoảng 2.389 tỷ đồng, trong đó, Trung ương là 26.450 suất quà tương đương 23,6 tỷ đồng, địa phương khoảng 5,35 triệu suất quà trị giá trên 2.365 tỷ đồng.

Về tình hình lương, thưởng Tết của người lao động và chăm lo hỗ trợ người lao động: Tiền lương bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp năm 2022 là 8,25 triệu đồng/tháng, tăng 6% so với năm 2021; mức thưởng cao nhất dịp Tết Dương lịch năm 2023 là 606,2 triệu đồng ở Thành phố Hồ Chí Minh; một số địa phương khác có mức thưởng cao nhất tập trung tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như: Hà Nội là 125 triệu đồng, Bắc Ninh là 257 triệu đồng, Ninh Thuận là 218 triệu đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu là 178,57 triệu đồng, Bến Tre là 323,12 triệu đồng. Tiền thưởng Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 tăng 11% so với Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 (bình quân là 6,86 triệu đồng/người); mức thưởng cao nhất là 1,004 tỷ đồng tại doanh nghiệp dân doanh ở thành phố Đà Nẵng; một số địa bàn có mức thưởng cao tập trung như: Hà Nội là 400 triệu đồng, Bắc Ninh là 379,8 triệu đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu là 535,71 triệu đồng, Đồng Nai là 307 triệu đồng, TP. Hồ Chí Minh là 759,9 triệu đồng.

Ngoài tiền lương, tiền thưởng dịp tết, tùy theo điều kiện, các doanh nghiệp còn có các hình thức khác hỗ trợ, chăm lo cho người lao động nhân dịp Tết truyền thống như tặng giỏ quà, tặng tiền tàu xe về quê đón tết hoặc bố trí xe đưa người lao động về quê, bố trí hợp lý thời gian nghỉ tết để người lao động có lịch trình thích hợp, đặc biệt đối với lao động làm việc xa quê.

*b) Về giáo dục và đào tạo*

Trong tháng, đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023, theo đó, năm 2023 ngành GD tập trung triển khai 10 nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật là: tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai Kế hoạch số 59/KH-GS ngày 11/10/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Giám sát chuyên đề về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; ban hành và triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non mới; triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023; chỉ đạo các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế giáo viên được; triển khai xây dựng Luật Nhà giáo.

Tổ chức họp trực tuyến với 63 tỉnh, thành phố nhằm sơ kết một năm thực hiện chương trình “Sóng và máy tính cho em”. Đến nay đã có 92.629 máy tính bảng được tài trợ từ các doanh nghiệp viễn thông đã giao cho học sinh ở 24 tỉnh sử dụng. Tích cực triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông.

*c) Về khoa học và công nghệ*

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[[18]](#footnote-18). Hướng dẫn thực hiện dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2023 cho các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương. Tổ chức tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và triển khai công tác năm 2023 của ngành khoa học và công nghệ. Đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép chính thức triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)[[19]](#footnote-19) trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023.

*d)**Hoạt động văn hóa, thể thao*

Các hoạt động văn hóa mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão được tổ chức ở nhiều địa phương trên cả nước nhằm thúc đẩy sự quan tâm của giới trẻ đến những giá trị văn hóa truyền thống của cha ông; nâng cao ý thức của cộng đồng về một “lễ hội” lành mạnh, tiết kiệm, giàu bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Đây là cơ hội để quảng bá lịch sử, văn hóa, du lịch của các địa phương tới du khách trong nước và quốc tế.

Về thể thao quần chúng, đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, Chương trình Bơi an toàn phòng chống tai nạn đuối nước trẻ em và Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030. Một số hoạt động thể thao quần chúng nổi bật trong tháng Một như: Giải Vô địch quốc gia Việt dã leo núi “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá” lần thứ 28, năm 2023 diễn ra ngày 06/01/2023 tại Bình Phước; Lễ ký kết hợp tác về việc tổ chức Giải thể thao Sinh viên Việt Nam (VUG) giữa Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam và Công ty TCP Việt Nam - Nhãn hàng nước tăng lực Warrior diễn ra ngày 11/01/2023.

Về thể thao thành tích cao, trong tháng 01/2023 hoạt động thể thao nổi bật phải kể đến là Giải Vô địch Bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) diễn ra từ ngày 20/12/2022-16/01/2023 đội tuyển Việt Nam đã giành được ngôi vị á quân với tỷ số chung cuộc là 2-3 trước đội tuyển Thái Lan sau hai lượt trận chung kết.

*đ) Công tác an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Công tác bảo đảm an sinh xã hội dịp Tết Nguyên đán Quý Mão cho người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã được thực hiện hiệu quả, vui tươi, đầm ấm, thiết thực. Trong dịp Tết Nguyên đán đã trích kinh phí tặng quà cho các đối tượng nguồn ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn vận động xã hội với tổng kinh phí khoảng 10 nghìn tỷ đồng (ngân sách trung ương khoảng 600 tỷ đồng; ngân sách địa phương khoảng trên 3.200 tỷ đồng). Trong đó, riêng người có công với cách mạng, Chủ tịch nước tặng quà cho trên 1,5 triệu đối tượng với tổng kinh phí trên 460 tỷ đồng; chính quyền địa phương các cấp tặng trên 3 triệu suất quà tết, với tổng kinh phí trên 2 nghìn tỷ đồng.

Công tác hỗ trợ, chăm lo cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được các địa phương quan tâm với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Theo đó, đã hỗ trợ, tặng quà tết cho 3,6 triệu đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và chúc thọ, mừng thọ hơn 1 triệu người cao tuổi. Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương phổ biến là từ 300.000 - 500.000 đồng/đối tượng. Một số địa phương có điều kiện ngân sách như Hà Nội mức hỗ trợ 1 triệu - 2 triệu đồng đối với người có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, mức 700.000 - 1.500.000 đồng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, mức 500.000 đồng với người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo và mức 300.000 đồng với hộ cận nghèo; Cần Thơ mức 1.100.000 đồng đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng và hộ nghèo; Lâm Đồng mức hỗ trợ 500.000 đồng/hộ cận nghèo, mức 700.000 đồng/hộ nghèo; Lạng Sơn mức 600.000 đồng với đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn…

Thực hiện Chương trình số 79-CTr/TW ngày 10/12/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, mặt trận, đoàn thể đã tổ chức thăm, tặng quà các gia đình chính sách, người nghèo, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều địa phương trong cả nước.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 1654/QĐ-TTg ngày 30/12/2022; các Quyết định số 14/QĐ-TTg; Quyết định số 15/QĐ-TTg; Quyết định số 16/QĐ-TTg và Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 13/01/2023; Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 18/01/2023 hỗ trợ gạo cho gần 200 ngàn hộ với 1,2 triệu nhân khẩu người dân dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt năm 2023 cho 17 tỉnh với 18 nghìn tấn gạo. Các địa phương đã chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ trên 1,5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

Theo khảo sát tình hình đời sống của hộ dân cư tháng Một năm 2023 tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm trước là 92,9%; tỷ lệ hộ đánh gia đình có thu nhập giảm là 7,1%.

Các hộ đánh giá có thu nhập giảm cho rằng các nguyên nhân chính làm cho thu nhập giảm là: 31,7% hộ gia đình có thành viên mất việc làm/tạm nghỉ việc; 31,7% hộ đánh giá do chi phí đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tăng và 26,5% hộ đánh giá do giá bán các sản phẩm từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm.

*e) Chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp[[20]](#footnote-20), Mỹ là quốc gia có số ca mắc và tử vong cao nhất trên thế giới, tại Mỹ biến thể phụ XBB.1.5 đang dần chiếm ưu thế và số ca mắc do biến thể này gây ra ngày càng tăng. Tại Việt Nam, các địa phương tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát dịch, đặc biệt là tại các khu vực cửa khẩu để phát hiện trường hợp nghi ngờ mắc Covid-19, nhất là các đối tượng nhập cảnh từ các khu vực đang bùng phát dịch, từ các nơi xuất hiện các biến thể mới. Kể từ ca mắc Covid-19 đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23/01/2020 đến ngày 28/01/2023, Việt Nam có hơn 11,5 triệu trường hợp mắc, trong đó 10,6 triệu trường hợp đã được chữa khỏi và 43,2 nghìn trường hợp tử vong.

Công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 tiếp tục được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19. Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 26/01/2023, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 266,1 triệu liều, trong đó tiêm mũi 1 là 90,5 triệu liều; tiêm mũi 2 là 85,9 triệu liều; mũi bổ sung là 14,5 triệu liều; mũi nhắc lại lần 1 là 57,7 triệu liều; mũi nhắc lại lần 2 là 17,5 triệu liều.

Trong tháng (19/12/2022-18/01/2023), cả nước có 2.472 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 320 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 04 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; 01 trường hợp sốt phát ban nghi sởi.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/01/2023 là 222,6 nghìn người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 112,6 nghìn người.

Công tác bảo đảm vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán 2023 đã được toàn ngành y tế, các địa phương và cơ quan chức năng chủ động triển khai nghiêm túc, quyết liệt; đã tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023. Bộ Y tế đã phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức kiểm tra công tác an toàn thực phẩm tại một số địa phương; theo dõi, nắm thông tin và xử lý kịp thời trong trường hợp có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra; hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền bảo đảm an toàn thực phẩm; duy trì thường xuyên các kíp trực, các đội điều tra, xử lý vụ ngộ độc thực phẩm, sẵn sàng phương tiện, lực lượng để tiếp nhận và xử lý các vụ ngộ độc, sự cố về an toàn thực phẩm. Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 01/2023 xảy ra 03 vụ với 30 người bị ngộ độc (01 trường hợp tử vong).

*g) Về thông tin, truyền thông*

Trong tháng, hoạt động báo chí, tuyên truyền diễn ra sôi nổi. Các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đã bám sát thông tin, tuyên truyền kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động, không khí vui tươi, phấn khởi, an toàn đón Tết của nhân dân trên mọi miền đất nước; quảng bá hình ảnh dân tộc, vẻ đẹp truyền thống, giá trị nhân văn của Việt Nam đối với người nước ngoài và bà con Việt kiều về quê ăn Tết. Tăng cường các tin, bài về: công tác chăm lo, chuẩn bị Tết cho nhân dân, tình hình giá cả, thị trường; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội; nét đẹp văn hóa truyền thống của Việt Nam; công tác phòng, chống dịch bệnh; vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Trong dịp Tết, có 11.620 bài viết về chủ đề Tết Nguyên đán 2023, 18.609 các bài viết về chủ đề phòng chống dịch COVID-19.

Công tác bảo đảm thông tin liên lạc, an toàn thông tin được thực hiện hiệu quả. Mạng viễn thông, hạ tầng kết nối, trung chuyển Internet, các hệ thống kỹ thuật tên miền, tài nguyên Internet quốc gia hoạt động ổn định, thông tin liên lạc được đảm bảo thông suốt, an toàn, không xảy ra sự cố nghẽn mạng cục bộ trong đêm giao thừa**[[21]](#footnote-21)**. Lực lượng chức năng đã hướng dẫn xử lý 508 cuộc tấn công mạng (tăng 23% so với 01 tuần trước khi nghỉ Tết), hỗ trợ xử lý 41 sự cố an toàn thông tin trên toàn quốc; tổng đài 5656 đã ghi nhận 1.703 phản ánh cuộc gọi rác, 394 phản ánh tin nhắn rác và đã yêu cầu các nhà mạng ngăn chặn hơn 1.092.960 tin nhắn rác.

**(4)** **Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ**

*- Hậu quả do thiên tai:* Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là mưa lớn; sạt lở làm 6,6 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 93 ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 16,1 tỷ đồng, giảm 97,1% so với cùng kỳ năm 2022.

*- Bảo vệ môi trường:* Trong tháng, các cơ quan chức năng đã phát hiện 2.880 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 2.398 vụ với tổng số tiền phạt gần 28 tỷ đồng, tăng 11,5% so với tháng trước và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

*- An toàn giao thông:* Trong tháng Một (15/12/2022-14/01/2023), trên địa bàn cả nước xảy ra 797 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 603 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 194 vụ va chạm giao thông, làm 508 người chết; 306 người bị thương và 199 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 29,2% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 20,3%; số vụ va chạm giao thông giảm 47,3%); số người chết giảm 9,9%; số người bị thương giảm 33,9% và số người bị thương nhẹ giảm 49,2%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 17,2% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 12,2%; số vụ va chạm giao thông giảm 29,7%); số người chết giảm 10,1%; số người bị thương giảm 8,9% và số người bị thương nhẹ giảm 24,3%. Bình quân một ngày trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 20 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 6 vụ va chạm giao thông, làm 16 người chết, 10 người bị thương và 6 người bị thương nhẹ.

Tình hình giao thông trên toàn quốc trong dịp Tết được bảo đảm ổn định. Tuy nhiên, trên địa bàn một số thành phố lớn, cửa ngõ đã xảy ra tình trạng ùn ứ cục bộ phương tiện giao thông vào các ngày cao điểm là thời điểm người dân về quê ăn Tết và quay trở lại thành phố sinh sống làm việc**[[22]](#footnote-22)**. Trong 07 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão, công an các địa phương đã phát hiện và xử lý 21.990 trường hợp vi phạm, trong đó xử lý 7.726 trường hợp vi phạm nồng độ cồn, 17 trường hợp dương tính ma tuý, 2.211 trường hợp vi phạm tốc độ; phạt tiền 50 tỷ 428 triệu đồng, tạm giữ 639 ô tô, 9.910 xe máy và 50 phương tiện khác; tước 4.950 Giấy phép lái xe các loại.

Trong 7 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão (từ ngày 20-26/01/2023) trên địa bàn cả nước xảy ra 152 vụ tai nạn giao thông, làm 89 người chết và 111 người bị thương. So với kỳ nghỉ Tết Nhâm Dần, số vụ tai nạn giảm 7,3%, số người chết giảm 3,3% và số người bị thương tăng 8%.

*- Phòng chống cháy, nổ:* Trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 149 vụ cháy, nổ[[23]](#footnote-23), làm 5 người chết và 7 người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính gần 7,2 tỷ đồng, giảm 65,9% so với tháng trước và giảm 70% so với cùng kỳ năm trước.

**(5) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Toàn quân duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình trên không, trên biển, biên giới, nội địa, ngoại biên và không gian mạng, dự báo tình hình, sẵn sàng xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ nhất là trên các khu vực, địa bàn trọng điểm; các lực lượng chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm các vụ việc về an ninh chính trị ngay từ cơ sở; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, lãnh thổ. Lực lượng bảo vệ biên giới thực hiện nghiêm chế độ thường trực, duy trì 453 tổ, chốt với 1.854 cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng tuần tra, kiểm soát chặt chẽ biên giới, cửa khẩu kết hợp phòng, chống dịch bệnh.

Tình hình an ninh được giữ vững, ổn định, không có vụ việc phức tạp xảy ra; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, khiếu kiện, nhất là các đoàn đông người, không để tình hình diễn biến phức tạp. Bộ Công an đã chỉ đạo tăng cường nắm tình hình, chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý nghiệp vụ, lên án các luận điệu sai trái của đối tượng thù địch; tăng cường bảo đảm an ninh mạng, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tại các địa bàn trọng điểm, không để xảy ra khủng bố, phá hoại, không để bị động, bất ngờ. Tình hình trật tự an toàn xã hội trên cả nước trong dịp Tết có chuyển biến tích cực, tốt hơn so với dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022; nhân dân vui xuân, đón Tết trong bình an, an lành. Trong 07 ngày nghỉ Tết, phát hiện 271 vụ phạm tội về trật tự xã hội (giảm 06 vụ so với cùng kỳ), đã điều tra, khám phá 173 vụ, bắt 258 đối tượng. Bảo đảm an ninh, an toàn các cơ sở giam giữ và chế độ, chính sách cho bị can, phạm nhân trong dịp Tết.

Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định để củng cố vành đai an ninh; thúc đẩy đối ngoại đa phương để bảo vệ và phát huy tốt nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân được chú trọng. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa và thông tin tuyên truyền đối ngoại, góp phần truyển tải thông tin khách quan đến các đối tác quốc tế, doanh nghiệp, nhà đầu tư về kết quả phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam.

**3. Nguyên nhân**

Nguyên nhân của kết quả đạt được là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng; sự giám sát, đồng hành của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao, khoa học của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, nắm bắt yêu cầu thực tiễn, phản ứng chính sách kịp thời, khẩn trương cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội thành giải pháp triển khai ngay trong thực tế; sự đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị, nhân dân cả nước; đẩy mạnh phân công, phân cấp gắn với trách nhiệm người đứng đầu; sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Các biện pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, cùng với kết quả giải ngân tích cực trong năm 2022 (**92,97%**) đã bổ sung nguồn lực lớn cho tăng trưởng, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Những khó khăn, hạn chế có nguyên nhân lớn nhất là do tình hình thế giới rất khó khăn, phức tạp, khó lường. Kinh tế trong nước bị tác động tức thì, nhanh và mạnh khi có tác động từ bên ngoài do độ mở nền kinh tế lớn, năng lực nội tại, khả năng chống chịu, thích ứng với các tác động bên ngoài hạn chế. Công tác dự báo gặp nhiều khó khăn, do cả yếu tố chủ quan về năng lực, công cụ… và cả tính khó dự báo về chính sách của các quốc gia, nền kinh tế lớn, đi kèm phản ứng chính sách còn chưa kịp thời, phối hợp chưa chặt chẽ, nhất là đối với những vấn đề mới. Một bộ phận cán bộ thực thi còn tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong triển khai công vụ.

**4. Bài học kinh nghiệm**

- Tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH đã được Đảng, Quốc hội thông qua; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy mọi cơ hội để thúc đẩy phục hồi nhanh và phát triển bền vững; tập trung nguồn lực đẩy nhanh các dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, quan trọng, các dự án đầu tư công trong năm 2023 để vừa hỗ trợ sản xuất trong nước, vừa phát triển không gian và động lực tăng trưởng mới cho tăng trưởng kinh tế.

- Chủ động, nhạy bén, nắm chắc những diễn biến mới; nâng cao năng lực phân tích, dự báo; chủ động thích ứng linh hoạt với các tình huống phát sinh; tự lực, tự cường, lấy khó khăn, thách thức là động lực để phấn đấu vươn lên.

- Các bộ, ngành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phản ứng chính sách nhanh, kịp thời, chủ động, phù hợp với tình hình thực tiễn; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, đặc biệt là để xử lý những vấn đề mới, chưa từng có tiền lệ.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường phân công, phân cấp, phân quyền, phân bổ nguồn lực gắn với kiểm tra, giám sát.

- Chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan về tình hình KTXH, củng cố niềm tin, khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp, đồng thuận cao trong xã hội.

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC; KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực**

Kinh tế thế giới năm 2023 dự báo sẽ đối mặt với nhiều biến động phức tạp, khó lường do tác động bất lợi kéo dài của các cú sốc trong năm 2022; lạm phát toàn cầu dù có xu hướng hạ nhiệt nhưng được dự báo vẫn ở mức cao; Trung Quốc dỡ bỏ các biện pháp phòng chống Covid-19 có thể tăng sức ép lên giá cả xăng dầu, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và gia tăng áp lực lạm phát; chiến sự Nga-Ukraine kéo dài, giá năng lượng tăng cao cùng tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng; điều kiện thị trường tài chính, tiền tệ thắt chặt trên toàn cầu.

*Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo chậm lại*. IMF (2022) dự báo, tăng trưởng kinh tế thế giới giảm từ 3,19% năm 2022 xuống còn 2,66% năm 2023, chủ yếu do suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển (từ 2,43% năm 2022 xuống còn 1,11% năm 2023), trong khi không có thay đổi lớn ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (3,73% so với 3,74%). Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo GDP toàn cầu năm 2023 tăng trưởng ở mức 1,7%, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 3% mà WB công bố hồi tháng 6/2022. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 ở mức 2,2%. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 giảm xuống còn 1,4%, so với tốc độ tăng trưởng 2,6% của năm 2022.

**Một số nền kinh tế chủ yếu:**

*Tăng trưởng kinh tế Mỹ được dự báo sẽ giảm* từ 5,7% vào năm 2021 xuống 1,6% vào năm 2022 và 1,0% vào năm 2023 (IMF, 2022). Thu nhập khả dụng thực tế giảm tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng và lãi suất cao hơn đang gây ra tác động nghiêm trọng đến chi tiêu, đặc biệt là chi tiêu cho đầu tư nhà ở. Tình hình lạm phát của Mỹ cũng đang có sự chuyển biến tích cực khi tỷ lệ lạm phát của nước này tiếp tục giảm xuống còn 6,5% trong tháng 12/2022, so với 7,1% trong tháng 11. Điều này cho thấy những nỗ lực của Mỹ trong việc kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, lãi suất đang ở mức 4,5% dẫn đến những khó khăn trong hoạt động sản xuất, chỉ số PMI tháng 1/2023 của Mỹ đang ở mức thấp 46,8 điểm, mặc dù đã tăng so với mức 46,2 điểm của tháng 12/2022 nhưng vẫn dưới ngưỡng 50 điểm kể từ tháng 7/2022.

*Triển vọng kinh tế Liên minh Châu Âu (EU) bớt ảm đạm nhưng vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt cao khi chiến sự Nga-Ukraine tiếp diễn.* Rủi ro lớn nhất đến từ những diễn biến bất lợi trên thị trường khí đốt và nguy cơ thiếu hụt nguồn cung năng lượng, đặc biệt vào mùa Đông năm 2023-2024. Ngoài nguồn cung cấp khí đốt, kinh tế EU vẫn trực tiếp và gián tiếp phải hứng chịu các cú sốc tiếp theo đối với các thị trường hàng hóa khác do căng thẳng địa chính trị gây ra. Tuy nhiên, lạm phát tại Châu Âu đã có những dấu hiệu hạ nhiệt. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 của Eurozone tăng 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái, giảm gần 1 điểm phần trăm so với mức tăng 10,1% trong tháng 11. Mức dự trữ khí đốt cao và thời tiết ấm hơn thường lệ đang kéo giá khí đốt giảm nhanh. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sơ bộ của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tháng 1/2023 đạt 50,2 điểm, cao hơn mức 49,3 điểm ghi nhận trong tháng 12/2022 cho thấy hoạt động kinh tế đã được mở rộng. Đây là lần đầu tiên sau 6 tháng, chỉ số PMI cho thấy khu vực đồng tiền chung Châu Âu đang tăng trưởng trở lại.

*Triển vọng kinh tế Trung Quốc có thể cải thiện trong năm 2023* nhờ các chính sách hỗ trợ tài khóa (giảm thuế, thúc đẩy đầu tư công) và các biện pháp kiểm soát dịch Covid-19 được nới lỏng*.* Trung tâm CDC Trung Quốc công bố, 80% dân số nước này (khoảng 1,2 tỷ người) đã mắc COVID-19 kể từ đầu tháng 12/2022 đến nay. Theo Bộ Giao thông Vận tải Trung Quốc, trong 13 ngày đầu tiên của kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, người dân Trung Quốc đã thực hiện hơn 520 triệu chuyến đi nội địa tính cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2022, cũng như gấp đôi so với năm 2021. Theo dự báo của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD, kinh tế Trung Quốc được dự báo có mức tăng trưởng khá tích cực ở mức 4,6% trong năm 2023. Sự mở cửa trở lại của Trung Quốc đang tạo ra những động lực quan trọng cho kinh tế toàn cầu trong năm 2023. Báo cáo mới nhất của Goldman Sachs nhận định Hong Kong (Trung Quốc), Thái Lan và Singapore sẽ là các nền kinh tế có thể được hưởng lợi lớn nhất khi Trung Quốc bỏ hạn chế về COVID-19 và mở cửa biên giới sau ngày 8/1. GDP Hong Kong được dự báo tăng thêm 7,6% nhờ nguồn thu từ xuất khẩu và du lịch. GDP Thái Lan hưởng lợi thêm 2,9%, GDP Singapore nhỏ hơn vào khoảng 1,2% và GDP Malaysia vào khoảng 0,7%.

*Kinh tế Nhật Bản được dự báo tăng trưởng tích cực trong năm 2023.* Theo dự báo mới nhất của Chính phủ Nhật Bản, tăng trưởng GDP thực tế sẽ vào khoảng 1,5%, trong khi tăng trưởng trên danh nghĩa là 2,1% trong năm 2023; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) sẽ giảm từ 3% của năm 2022 xuống còn 1,7% trong năm nay.

*Thương mại toàn cầu dự báo sẽ đạt kỷ lục 32 nghìn tỷ USD vào năm 2022, nhưng triển vọng ngày càng ảm đạm cho năm 2023.* Báo cáo của UNCTAD cảnh báo rằng, sự chậm lại của thương mại toàn cầu vào nửa cuối năm 2022 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn hơn vào năm 2023. Tuy nhiên, một dấu hiệu tích cực đối với thương mại quốc tế là bất chấp sự suy giảm về giá trị thương mại, tổng khối lượng thương mại vẫn tiếp tục tăng trong suốt năm 2022 cho thấy nhu cầu toàn cầu đang phục hồi. Một phần của sự sụt giảm giá trị thương mại quốc tế trong nửa cuối năm 2022 là do giá của các sản phẩm chính giảm. Trong khi đó, những yếu tố tích cực của các FTA (như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực - RCEP và FTA Lục địa châu Phi - AfCFTA) và hoạt động logistics được cải thiện. Các cảng và công ty vận chuyển hiện đã điều chỉnh để thích nghi với những thách thức do đại dịch Covid-19 gây ra. Giá cước vận tải và hàng hóa vẫn cao hơn mức trung bình trước đại dịch, nhưng đã có xu hướng giảm. Áp lực đối với chuỗi cung ứng từ phía cung do các yếu tố của đại dịch dự báo sẽ giảm trong năm 2023, ngay cả khi những thách thức ở Trung Quốc vẫn còn. UNCTAD cũng dự báo thương mại khu vực Đông Á có thể phục hồi trong thời gian tới dựa trên số liệu tăng trưởng thương mại quý III/2022, mặc dù thương mại ở khu vực khác đều giảm.

 *Đầu tư toàn cầu gặp nhiều khó khăn do các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và lo ngại về suy thoái toàn cầu*. Lãi suất tại Mỹ tăng cùng với USD tăng giá mạnh đã làm tăng chi phí tài chính. Bên cạnh đó, các điều kiện tài chính thắt chặt và triển vọng kinh tế không chắc chắn làm giảm động lực của các nhà đầu tư. Khu vực Đông Nam Á đang được hưởng lợi từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng từ Trung Quốc do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng cũng đi kèm với dòng vốn đầu tư, dẫn đến sự gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khối các nước ASEAN khi các doanh nghiệp thành lập nhà máy sản xuất, cơ sở kho bãi, mạng lưới phân phối và các cơ sở khác tại khu vực.

*Giá dầu thế giới dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong những tháng tới do triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới yếu đi.* Theo dự báo của EIA (2022), nhu cầu dầu thế giới năm 2023 có thể tăng 2,1 triệu thùng/ngày lên mức 101,5 triệu thùng/ngày. Giá dầu WTI dự báo đạt mức trung bình 98,71 USD/thùng trong năm 2022 và 89,13 USD/thùng trong năm 2023, so với 68,21 USD/thùng năm 2021. Giá dầu Brent dự báo ở mức 104,78 USD/thùng năm 2022 và 95,13 USD/thùng năm 2023. Giá các hàng hóa thiết yếu khác, như: dầu ăn, nguyên liệu thô và phân bón dự báo sẽ hạ nhiệt nhờ thỏa thuận giữa các nước liên quan đến chiến sự tại Ukraine, tuy vậy vẫn cao hơn mức trước đại dịch do áp lực từ chi phí nhiên liệu đầu vào và nhu cầu thế giới hồi phục. Lạm phát toàn cầu dự báo tăng mạnh từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022, sau đó giảm xuống 6,5% năm 2023 và 4,1% năm 2024. Cụ thể, lạm phát dự kiến đạt đỉnh 9,5% vào quý 3/2022 trước khi giảm xuống 4,7% vào quý 4/2023 (IMF, 2022).

**2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước**

Trong những tháng đầu năm 2023, tình hình kinh tế Việt Nam có triển vọng khá khả quan. Một số điểm sáng đối với kinh tế thế giới trong năm 2023 có thể giúp giảm bớt áp lực đối với điều hành vĩ mô của nền kinh tế, bao gồm áp lực lạm phát giảm và Trung Quốc nới lỏng chính sách Zero-Covid. Sự phục hồi của nền kinh tế trong năm 2023 sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ việc thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2023 được dự báo thấp hơn so với năm 2022. Tháng 12/2022, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam đạt 7% và giảm xuống 6,2% trong năm 2023. Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam đạt 7,2% và giảm xuống còn 6,7% trong năm 2023. ADB dự báo tăng trưởng năm 2022 của Việt Nam đạt 7,5% và giảm xuống còn 6,3% trong năm 2023 do các đối tác thương mại lớn suy yếu, giảm so với mức 6,7% công bố hồi tháng 9/2022.

Nền kinh tế trong giai đoạn tới tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố phức tạp, khó lường như: (i) Sự phục hồi chậm, khó khăn và suy giảm nhu cầu của các đối tác thương mại lớn; (ii) Chiến sự Nga – Ukraine tiếp diễn cùng điều kiện tài chính khó khăn hơn do xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương trên thế giới và rủi ro thắt chặt tiền tệ bổ sung; (iii) Mỹ và các nước phương Tây đẩy mạnh thực hiện chính sách trừng phạt và áp trần giá dầu, trần giá khí đốt với Nga và việc Nga ngừng bán dầu, khí đốt cho các quốc gia có thể đẩy giá dầu và khí đốt và các nguyên vật liệu trong năm 2023 tăng cao; (iv) Lạm phát toàn cầu tiếp tục ở mức cao gây nhiều áp lực lên giá cả nguyên vật liệu đầu vào sản xuất tại Việt Nam; (v) Các hiện tượng thời tiết cực đoan sẽ diễn ra thường xuyên hơn có thể làm trầm trọng thêm suy thoái kinh tế toàn cầu; (vi) Các biến chủng mới của COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Bên cạnh đó, với một nền kinh tế có độ mở lớn, tăng trưởng kinh tế nước ta trong thời gian tới sẽ phụ thuộc đáng kể vào khả năng đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, gắn với tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và xử lý các rủi ro gắn với cạnh tranh thương mại - công nghệ giữa các nước lớn, xu hướng giảm giá của các đồng tiền ở khu vực so với USD...

**3. Đề xuất kiến nghị và giải pháp**

Các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất, toàn diện, nhất quán Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau Tết Nguyên đán; chủ động giải pháp thích ứng kịp thời với bối cảnh, tình hình mới và các tình huống phát sinh; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, kịp thời để tập trung xử lý, tháo gỡ ngay những vấn đề khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy các động lực tăng trưởng lớn của năm 2023 là tiêu dùng trong nước, đầu tư công và xuất khẩu; thực hiện hiệu quả 03 đột phá chiến lược, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, các định hướng lớn. Theo đó:

- Điều hành chính sách tài khóa chủ động, giảm tối đa độ trễ trong xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai. Chính sách tài khóa có trọng tâm, trọng điểm, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân để giảm bớt áp lực chi phí đầu vào, góp phần giảm giá đầu ra nhằm kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện cho chính sách tiền tệ điều hành tín dụng, lãi suất hợp lý, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 Chương trình MTQG; hỗ trợ đời sống người dân, nhất là người nghèo, lao động thu nhập thấp, đối tượng yếu thế.

- Chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động, kịp thời, hiệu quả, tập trung giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay; bảo đảm thanh khoản của hệ thống ngân hàng, nền kinh tế; giữ ổn định mặt bằng tỷ giá phù hợp; phối hợp chặt chẽ các bộ ngành để điều hành đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác.

- Chính sách về giá thận trọng, giữ ổn định, phù hợp giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý, nhất là các nhóm hàng có tác động mạnh đến lạm phát, chi phí vận chuyển, sản xuất và đời sống người dân như là điện, xăng, dầu… tránh tác động đồng thời, cộng hưởng đến lạm phát trong nước.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tập trung theo dõi sát, phân tích, dự báo tình hình thế giới, trong nước, nhất là chính sách của các nền kinh tế lớn, sự dịch chuyển, các xu hướng lớn toàn cầu và tác động đến nước ta, chủ động, kịp thời báo cáo, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ định hướng, giải pháp phù hợp trong quản lý, chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển KTXH.

- Bộ Tài chính: (1) quản lý chặt chẽ các nguồn thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dân cư để mở rộng cơ sở thu, đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu NSNN; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; (2) khẩn trương báo cáo cấp có thẩm quyền phương án miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất cho doanh nghiệp, người dân; (3) khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 65/2022/NĐ-CP về trái phiếu doanh nghiệp; (4) tạo thuận lợi hóa tối đa cho doanh nghiệp trong các thủ tục xuất, nhập khẩu.

- Bộ Công Thương khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành khung giá điện; tập trung rà soát các tồn đọng, tháo gỡ khó khăn ở các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng, sớm vận hành, tăng năng lực sản xuất; tiếp tục triển khai các giải pháp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, phát huy các FTA đã ký kết; tranh thủ cơ hội xuất khẩu của từng thị trường, mặt hàng, nhất là đối với thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN; cảnh báo sớm nguy cơ các vụ kiện phòng vệ thương mại cho doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả và tốc độ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Trung Quốc.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; rà soát, chủ động thực hiện hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật liên quan; khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

- Bộ Tư pháp đôn đốc các bộ, cơ quan bảo đảm tiến độ các dự án Luật, Nghị quyết trình Quốc hội; hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, tháo gỡ các hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, khơi thông thị trường cho hàng hóa nông nghiệp; theo dõi tình hình thời tiết, nguồn nước, xâm nhập mặn để chỉ đạo ứng phó kịp thời; tăng cường quản lý, vận hành đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, các giải pháp phòng, chống thiên tai hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động dự báo, đề xuất phương án điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân; xây dựng kịch bản ứng phó hiệu quả, giảm nhẹ thiệt hại do hạn hán.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa phương triển khai hiệu quả các hoạt động lễ hội đầu xuân; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, thúc đẩy du lịch phục hồi và phát triển bền vững.

- Bộ Y tế phối hợp với các địa phương đẩy mạnh tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho trẻ em dưới 12 tuổi, theo dõi chặt chẽ, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với các loại bệnh truyền nhiễm, các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan tháo gỡ triệt để khó khăn, vướng mắc trong đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư y tế.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các địa phương theo dõi chặt chẽ thị trường lao động, nắm bắt tình hình lao động, việc làm sau kỳ nghỉ Tết, nhất là tại các khu công nghiệp để có phương án hỗ trợ doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết; thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; chuẩn bị cho kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam phối hợp với các bộ, ngành triển khai hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, kịp thời đấu tranh phản bác quan điểm, tư tưởng sai trái, thông tin xấu, độc, sai sự thật.

- Bộ Quốc phòng theo dõi chặt chẽ, chủ động tham mưu với cấp có thẩm quyền các giải pháp, đối sách phù hợp, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, nhất là biên giới đất liền và trên biển, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm; làm tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi tung tin xấu, độc, sai sự thật; tập trung trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Bộ Ngoại giao triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và ngoại giao kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu và đầu tư tại nước ngoài, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển.

- Bộ trưởng, thủ trưởng ngang bộ tập trung chỉ đạo rà soát, phối hợp với Bộ Tư pháp hoàn thiện đề nghị xây dựng luật, dự án luật để trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục rà soát, tháo gỡ rào cản, vướng mắc về quy định cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; bảo đảm tiến độ xây dựng quy hoạch; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa; chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp; chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- TTgCP và các Phó TTgCP;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ;- Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);- Lưu VT, Vụ TH (3b) | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Chí Dũng** |

**PHỤ LỤC**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP
NGÀY 06/01/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

| **TT** | **Tên cơ quan** | **Số, ký hiệu văn bản** | **Ngày ban hành** | **Trích yếu nội dung** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ** |
|  | Bộ Quốc phòng | 296/QĐ-BQP | 19/1/2023 | Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |
|  | Bộ Tư pháp | 48/QĐ-BTP | 17/01/2023 | Ban hành chương trình hành động của Bộ Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. |
|  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 86/QĐ-BKHĐT | 19/01/2023 | Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
|  | Bộ Công thương | 32/QĐ-BCT | 09/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Công thương. |
|  | Bộ Giao thông vận tải | 40/QĐ-BGTVT | 19/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Bộ Xây dựng | 42/QĐ-BXD | 19/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Xây dựng |
|  | Bộ Thông tin và Truyền thông | 01/CT-BTTTT |  | Định hướng phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2023 |
|  | Bộ Khoa học và Công nghệ | 50/QĐ-BKHCN | 19/01/2023 | Quyết định số 50/QĐ-BKHCN kèm theo Chương trình hành động của Bộ KH&CN |
|  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 242/QĐ-BGDĐT | 16/01/2023 | Phê duyệt Kế hoạch nhiệm vụ năm 2023 của các đơn vị thuộc Bộ GDĐT |
|  | Bộ Nội vụ | 01/QĐ-BNV | 01/01/2023 | Ban hành Chương trình công tác của Bộ Nội vụ năm 2023 |
|  | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 52/QĐ-BTNMT  | 12/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
|  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 01/CT-NHNN | 17/01/2023 | Nghiêm túc triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Ngành trong năm 2023. |
|  | Bộ Công An | 27/KH-BCA | 19/1/2023 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |
|  | Bộ Ngoại Giao | 279/BNG-THKT | 19/1/2023 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |
|  | Ủy ban Dân tộc | 71/QĐ-UBDT | 18/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP.  |
|  | Văn phòng Chính phủ | 31/QĐ-VPCP | 31/01/2023 | Kế hoạch hành động của VPCP thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
|  | Đài Truyền Hình Việt Nam | 96/THVH-KHTC | 17/01/2023 | Kế hoạch hành động của Đài THVN thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ. |
|  | Bộ Thông tin truyền thông | 01/CT-BTTTT | 20/01/2023 | Định hướng phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024-2025 |
| **II** | **Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** |
| 1 |  Cao Bằng | 28/QĐ-UBND  |  10/01/2023 | Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 2 | Lạng Sơn | 79/QĐ-UBND;  | 19/01/2023 | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện KH phát triển KTXH và dự toán NSNN 2023 |
| 3 |  Lào Cai | 02/CTr-UBND | 19/01/2023 | Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 |
| 4 |  Yên Bái | 02/Ctr-UBND | 18/01/2023 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạchphát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 5 |  Thái Nguyên | 10/KH-UBND  | 18/1/2023 | Kế hoạch phân công, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện KH phát triển KTXH năm 2023 |
| 6 |  Bắc Kạn | 37/KH-UBND  | 19/01/2023 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán NSNN năm 2023 |
| 7 |  Phú Thọ | 200/CTr-UBND | 19/01/2023 | Dự thảo Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ  |
| 8 |  Bắc Giang | 08/KH-UBND  | 11/01/2023 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán NSNN năm 2023 |
| 9 |  Hoà Bình | 02/CT-UBND  | 11/01/2023 | Chỉ thị về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh té - xã hội, dự toán NSNN tỉnh Hòa Bình năm 2023 |
| 10 | Lai Châu | 226/KH-UBND  | 18/01/2023 | Quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 |
| 11 |  Điện Biên | 55QĐ-UBND | 18/01/2023 | Ban hành việc triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ |
| 12 | Hải Phòng | 02/CTr-UBND  | 19/01/2023 | Chỉ thị về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KTXH, quốc phòng an ninh thành phố 2023 |
| 13 | Quảng Ninh | 122/CTr-UBND  | 19/01/2023 | Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/1/2023 của Chính phủ |
| 14 | Hưng Yên | 20/CTr-UBND | 20/01/2022 | Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |
| 15 | Vĩnh Phúc | 03/CTr-UBND | 12/01/2023 | Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 16 | Bắc Ninh | 18/CT-UBND | 18/01/2023 | Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ |
| 17 | Hà Nam | 154/KH-UBND |  | Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 18 | Nam Định | 09/KH-UBND  | 18/01/2023 | Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 19 | Ninh Bình | 09/QĐ-UBND-VP2  | 17/01/2023 | Ban hành chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh |
| 20 | Thái Bình | 01/CTHĐ-UBND-  | 20/01/2023 | Ban hành chương trình hành động năm 2023 của UBND tỉnh |
| 21 |  Thanh Hoá | 169/QĐ-UBND  | 18/01/2023 | Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 |
| 22 |  Nghệ An | 162/QĐ-UBND | 19/01/2023 | Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu triển khai thực hiện kế hoạch phát triển inh tế xã hội và dự toán NSNN năm 2023 |
| 23 |  Quảng Bình | 26/KH-UBND  | 06/01/2023 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 24 |  Quảng Trị | 64/QĐ-UBND  | 11/01/2023 | Quyết định v/v ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP  |
| 25 |  Thừa Thiên - Huế | 13/KH-UBND  | 17/01/2023 | Về triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 |
| 26 |  Thành phố Đà Nẵng | 01/QĐ-UBND  | 03/01/2023 | Về việc ban hành nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước thành phố Đà Nẵng năm 2023 |
| 27 |  Quảng Nam | 3555/QĐ-UBND  | 26/12/2022 | Về Chương trình công tác năm 2023 |
| 28 |  Quảng Ngãi | 68/QĐ-UBND  | 18/01/2023 | Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 |
| 29 |  Bình Định | 19/QĐ-UBND  | 04/01/2023 | Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 30 |  Khánh Hoà | 197/QĐ-UBND  | 19/01/2021 | Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 31 |  Ninh Thuận | 30/QĐ-UBND  | 17/01/2023 | Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 |
| 32 |  Bình Thuận | 176/QĐ-UBND | 19/01/2023 | Ban hành chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND về kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 |
| 33 |  Gia Lai | 37/QĐ-UBND | 19/01/2023 | Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/ NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh |
| 34 | Kon Tum | 23/QĐ-UBND  | 19/01/2023 | Ban hành chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND về kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 |
| 35 |  Lâm Đồng | 581/CTHĐ-UBND  | 19/01/2023 | Chương trình hành động Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 |
| 36 | TP. Hồ Chí Minh | 200/QĐ-UBND | 18/01/2023 | Về giao nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển KT-XH 2023 |
| 37 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 109/QĐ-UBND  | 19/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh BRVT thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 |
| 38 | Long An | 152/QĐ-UBND | 06/01/2023 | Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 |
| 39 | Thành phố Cần Thơ | 152/SKHĐT-THQH | 17/01/2023  | Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ. |
| 40 | Hậu Giang  | 14/KH-UBND  | 19/01/2023 | Kế hoạch thực hiện NQ01/NQ-CP ngày 8/1/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. |
| 41 | Sóc Trăng  | 01/CTr-UBND  | 19/01/2023 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành kinh tế - xã hội năm 2023 |
| 42 | An Giang | 33/KH-UBND  | 19/01/2023 | Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh An Giang; |
| 43 | Đồng Tháp | 13/QĐ-UBND  | 05/01/2023  | Chương trình hành động Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ  |
| 44 | Bạc Liêu | 51/QĐ-UBND,  | 16/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện NQ của Chính phủ, kết luận của Tỉnh ủy và NQ của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2023 |
| 45 | Cà Mau | 01/CTr-UBND | 19/01/2023 | Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. |
| 46 | Đắk Lắk | 139/KH-UBND | 19/01/2023 | Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
| 47 | Đắc Nông | 60/VPUBND-KT | 17/01/2023 | Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |
| 48 | Tây Ninh | 01/QĐ-UBND | 07/01/2023 | Ban hành nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ |

1. Có 18 bộ, cơ quan trung ương đã ban hành, gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Kế Hoạch & Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài Chính, Đài Truyền Hình Việt Nam; Bộ Quốc phòng, Bộ Công An, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin Truyền thông, Văn phòng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Có 15 địa phương chưa ban hành, gồm: Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hà Nội, Hải Dương, Phú Yên, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Kiên Giang, Đăk Nông, Cần Thơ. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội áp dụng từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 làm cho giá xăng tăng 2,31%, trong đó giá xăng A95 tăng 1.450 đồng/lít, giá xăng E5 tăng 1.380 đồng/lít. Ở chiều ngược lại, giá dầu diezen giảm 2,15% [↑](#footnote-ref-3)
4. Do nhu cầu mua sắm, du xuân dịp Tết Nguyên đán tăng, chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,14%; dụng cụ thể dục, thể thao tăng 0,26%; dịch vụ chụp, in tráng ảnh tăng 0,53%; cây, hoa cảnh, vật cảnh tăng 3,19%; du lịch trọn gói tăng 0,99%; khách sạn, nhà hàng tăng 0,57%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong đó, giá máy đánh trứng, máy trộn đa năng tăng 0,77%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,26%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,32%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,42%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,52%; hàng thủy tinh, sành sứ tăng 0,57%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,58%; dịch vụ sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 0,26%. [↑](#footnote-ref-5)
6. Chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tỉnh Yên Bái giảm 41,16% so với tháng trước, tỉnh Thái Bình giảm 8,03%. [↑](#footnote-ref-6)
7. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ủy ban dân tộc, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội nông dân Việt Nam, Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhận ngày 22/01/2023. [↑](#footnote-ref-9)
10. . [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính từ 16/12/2022 đến 15/01/2023. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tết Nguyên đán Nhâm Dần diễn ra vào tháng 02/2022. [↑](#footnote-ref-12)
13. Chỉ số IIP tháng 01/2023 so với tháng trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn giảm mạnh là: Vĩnh Long giảm 22,8%; Vĩnh Phúc giảm 28,7%; TP. Hồ Chí Minh giảm 21,4%; Đồng Nai giảm 15,7%; Bình Dương giảm 17,4%; Hà Nội giảm 23,2%; Bà Rịa-Vũng Tàu giảm 13,8%; Hải Dương giảm 20,2%; Quiang Bình giảm 26,5%. [↑](#footnote-ref-13)
14. Kỳ báo cáo từ ngày 21/12/2022-20/01/2023. [↑](#footnote-ref-14)
15. Ước tính trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tháng 01/2023 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 27/01/2023. [↑](#footnote-ref-15)
16. Tháng 01/2022 có 32.125 doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường. [↑](#footnote-ref-16)
17. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 01/2018 là 98.272 tỷ đồng

Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 01/2019 là 151.117 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-17)
18. Hoàn thiện, trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc: (1) Hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN (Báo cáo số 46/BC-BKHCN ngày 09/01/2023); (2) giải trình, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Báo cáo số 75/BC-BKHCN ngày 11/01/2023). [↑](#footnote-ref-18)
19. Chuyên gia quốc tế độc lập do WIPO chỉ định đã tiến hành kiểm định độc lập bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương. Kết quả thử nghiệm cho thấy bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương đủ mạnh để đưa ra những kết luận hữu ích. Kết quả kiểm định cũng cho thấy còn một vài chỉ số cần được xem xét khi triển khai trên phạm vi toàn quốc trong thời gian tới. Việc rà soát, xem xét, tinh chỉnh hằng năm để phù hợp với bối cảnh và mục tiêu cũng là thông lệ chung trong xây dựng các chỉ số tổng hợp. [↑](#footnote-ref-19)
20. Từ cuối tháng 12/2019 đến ngày 28/01/2023 trên thế giới có 674,5 triệu trường hợp mắc Covid-19 (6.756,7 nghìn trường hợp tử vong). [↑](#footnote-ref-20)
21. Từ 09h00 ngày 20/01/2023 đến 09h00 ngày 26/01/2023: Các tần số trực canh an toàn cứu nạn hàng không, hàng hải; hệ thống điều hành bay, dẫn đường hàng không; các đài phát thanh, vô tuyến điện truyền hình, các đài truyền thanh không dây, hệ thống thông tin di động của các doanh nghiệp hoạt động thông suốt, không xảy ra hiện tượng can nhiễu, không phát hiện hệ thống thông tin vô tuyến điện gửi, phát tán điện tín có nội dung trái pháp luật, không phát hiện vi phạm về sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

- Truy vấn tên miền quốc gia .VN trên toàn hệ thống DNS quốc đạt 3.020.287.112 truy vấn, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng lưu lượng trao đổi qua hệ thống trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX từ ngày 20/01/2023 (29 Tết) đến hết ngày 25/01/2023 (tức ngày mùng 04 Tết) đạt 1.865.385 GB, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2022. [↑](#footnote-ref-21)
22. Tuyến Pháp Vân - Cầu Giẽ, đường vành đai 3; tuyến quốc lộ 1 qua Đồng Nai, Ninh Bình, Thanh Hóa..., cao tốc theo hướng TP. Hồ Chí Minh đi Long Thành - Dầu Giây, cửa ngõ đi về miền Đông, miền Tây (Tiền Giang, Bến Tre…), phà Cát Lái và Rạch Miễu; quốc lộ 51 hướng đi Đà Lạt, Bà Rịa - Vũng Tàu cũng như tại các bến xe nhà ga tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh… [↑](#footnote-ref-22)
23. Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/01/2023. [↑](#footnote-ref-23)